

Bản án số: 182/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024.

V/v: "Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con".

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Tuyết Thanh.

2. Ông Trương Thanh Long.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Trường G, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải ngày 22/01/2024 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú H có lời trình bày:

Chị và anh Lê Trường G tự nguyện kết hôn vào năm 2016 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Bến Tre vào ngày 09 tháng 6 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh G cờ bạc gây nợ, chị đã trả nhiều lần nhưng anh G vẫn không thay đổi, ngoài ra anh G còn ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần tìm

cách giải quyết, tuy nhiên không có tiếng nói chung nên không hàn gắn được tình cảm, hiện hai người đã sống ly thân từ khoảng 08 tháng nay mà không hàn gắn được. Nay chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **G**, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung là **Lê Trường A**, sinh ngày 04/5/2017 và **Lê Nguyễn Trâm A1**, sinh ngày 01/4/2021, hiện đang sống với chị và anh **G**, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung **Lê Nguyễn Trâm A1**, chị giao cho anh **G** nuôi cháu **Lê Trường A** và hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: 01 chiếc xe Honda SH 150i trị giá 180.000.000đồng do chị đứng tên và đang quản lý sử dụng và 01 điện thoại Iphone 13 Promax trị giá 29.990.000đồng do chị quản lý sử dụng tuy nhiên hiện anh **G** đang giữ điện thoại, khi ly hôn chị rút lại yêu cầu Tòa án chia tài sản, hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

**Tại buổi hòa giải ngày 22/01/2024, bị đơn anh Lê Trường G có lời trình bày.**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian hai bên kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn. Anh và chị **H** đã sống ly thân với nhau khoảng 08 tháng nay mà không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà **H**, do còn thương vợ và muốn hàn gắn với chị **H** để cùng lo cho con chung.

-Về con chung: Có 02 người con chung là **Lê Trường A**, sinh ngày 04/5/2017 (đang sống với anh) và **Lê Nguyễn Trâm A1**, sinh ngày 01/4/2021 hiện đang sống với chị **H**), nếu khi ly hôn anh đồng ý xin được nuôi con chung là **Lê Nguyễn Trâm A1** và không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: 01 chiếc xe Honda SH 150i trị giá 180.000.000đồng do chị **H** đứng tên và đang quản lý sử dụng; 01 điện thoại Iphone 13 Promax trị giá 29.990.000đồng do anh **G** đang quản lý sử dụng. Nếu ly hôn anh đề **phần hiện vật là xe Honda SH 150i, chị H sẽ thanh toán lại cho anh số tiền 90.000.000đồng và 01 điện thoại Iphone 13 Promax anh xin nhận, anh thanh toán lại cho bà H số tiền 14.995.000đồng.**

**Ngoài ra anh yêu cầu phải trả lại cho anh 45.000.000đồng vì tiền này anh đã đưa cho vợ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nay vợ anh cương quyết ly hôn thì anh đòi lại.**

-Về nợ chung: Theo anh **G** còn nợ các khoản nợ bà **Lê Thị P**, không rõ năm sinh, địa chỉ **ấp V, xã V, huyện C** tiền công làm vườn 02 tháng 20 ngày, lương 4000.000đồng/tháng và bà **Lê Thị Kim P1**, không rõ năm sinh, địa chỉ **xã T xã V, huyện C** 18.000.000đồng tiền công thuê lao động.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị H được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Trường A, sinh ngày 04/5/2017, hiện đang sống với anh G và Lê Nguyễn Trâm A1, sinh ngày 01/4/2021, hiện đang sống với chị H, đề nghị giao cháu gái còn nhỏ tên Trâm A1 cho chị H nuôi dưỡng, giao cho anh G nuôi cháu Trường A, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: 01 chiếc xe SH 150i trị giá 180.000.000đồng do chị H đứng tên và đang quản lý sử dụng, 01 điện thoại di động Iphone 13 promax trị giá 29.990.000đồng do anh G sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ yêu cầu chia tài sản, ghi nhận chị H trình bày hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Anh G trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp thông tin cụ thể là nợ ai, ở đâu và anh không có đơn yêu cầu tòa án giải quyết về nợ chung nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra anh G yêu cầu chị H phải trả lại cho anh 45.000.000đồng vì tiền này anh đưa cho chị H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu trả lại tuy nhiên anh G không có đơn yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/3/2012, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân theo nguyên đơn nêu do anh G cờ bạc gây nợ, chị đã trả nhiều lần nhưng anh G vẫn không thay đổi, ngoài ra anh G còn ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần tìm cách giải quyết, tuy nhiên không có tiếng nói chung nên không hàn gắn được tình cảm, hiện hai người đã sống ly thân từ khoảng 08 tháng nay mà không hàn gắn được. Anh G đã nhận được Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách tuy nhiên anh không đến tham dự.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn

có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng sau khi ly hôn là do sự tự nguyện của nguyên đơn vì vậy cần ghi nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Lê Trường A**, sinh ngày 04/5/2017, hiện đang sống với anh **G** và **Lê Nguyễn Trâm A1**, sinh ngày 01/4/2021, hiện đang sống với chị **H**, nguyên đơn yêu cầu nuôi con chung cháu **Lê Nguyễn Trâm A1**, giao cháu **Lê Trường A** cho anh **G** nuôi và chị **H** không yêu cầu anh **G** cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vợ chồng ly hôn, việc giao con cho ai nuôi là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung, đối với nguyên đơn sau khi hai vợ chồng sống ly thân chị **H** là người trực tiếp nuôi con chung **Lê Nguyễn Trâm A1** đồng thời nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi cũng muốn sống với anh **G** vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu **Lê Nguyễn Trâm A1** cho nguyên đơn nuôi và giao cháu **Lê Trường A** cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về tài sản chung: Nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án chia tài sản vì vậy Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ghi nhận nguyên đơn chị **H** trình bày hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có, bị đơn anh **G** trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp thông tin cụ thể là nợ ai, ở đâu và anh không làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Ngoài ra anh **G** yêu cầu chị **H** phải trả lại cho anh 45.000.000đồng tuy nhiên anh **G** không có đơn yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Lời phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tại phiên tòa về hình thức, nội dung vụ án là phù hợp với việc xem xét, đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nguyên đơn phải có nghĩa vụ chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001161 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Do đình chỉ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn vì vậy cần trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.624.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001160 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Cụ thể tuyên:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Tú H được ly hôn với anh Nguyễn Trường G1.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tú H không yêu cầu việc cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Tú H có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Trâm A1, sinh ngày 01/4/2021, hiện đang sống với chị H.

Anh Nguyễn Trường G1 có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Trường A, sinh ngày 04/5/2017, hiện đang sống với anh G1.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tú H không yêu cầu anh Nguyễn Trường G1 cấp dưỡng cho con và cũng không tự nguyện cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Tú H, anh Nguyễn Trường G1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền, nghĩa vụ này tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn, ghi nhận hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Tú H có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001161 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trả lại cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú H số tiền 2.624.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001160 ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án*

*dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Chợ Lách, tỉnh BT;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh BT;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh BT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Chí Cường**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Hồ Mỹ Ngọc      Phạm Gia Ảnh**

**Đào Chí Cường**

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự;

**TÒA**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Vĩnh Bình, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Đào Chí Cường**